TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **687**/2020/QĐST - HNGĐ	*Đống Đa, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 964/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đặng Thị L, sinh năm 1988;

- Anh Trần Hoài N, sinh năm 1977; Cùng Hộ khẩu thường trú: ..... Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội; Chỗ ở: ..... Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Trần Hoài N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường ....., quận Đống Đa, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ và đã sống ly thân 3 năm nay.

Nay chị L và anh N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị L và anh N xác nhận có 02 con chung Trần Đức M (nam), sinh ngày 02/9/2008; Trần Ngọc A (nữ), sinh ngày 09/7/2013. Chị L và anh N, thống nhất: Ly hôn, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ: Chị L và anh N xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị L và anh N thống nhất để chị L chịu cả 300.000đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **chị Đặng Thị L và anh Trần Hoài N**;

- **Về con chung**: Xác nhận chị L và anh N có 02 con chung là: Trần Đức M (nam), sinh ngày 02/9/2008; Trần Ngọc A (nữ), sinh ngày 09/7/2013. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh N cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế..

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Chị L và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- **Về nợ**: Chị L và anh N xác nhận không có nợ chung nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị L và anh N để chị L chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015114 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị L đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND phường ……..;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú